

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001412

Trang : 1/2

Môn học: **Năng lượng tái tạo (228105) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

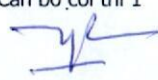
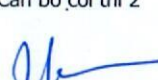
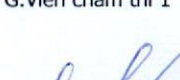
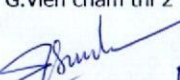
Giờ: **14:45**

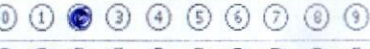
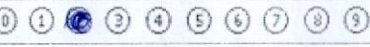
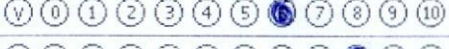
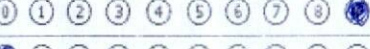
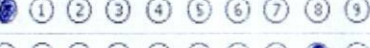
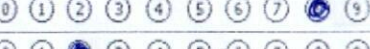
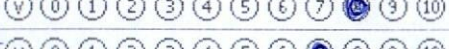
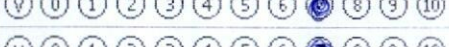
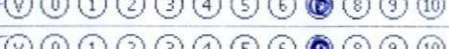
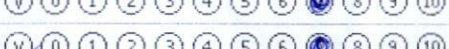
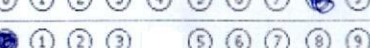
Phòng thi: **A304**

Số SV có mặt: **27**

Số bài thi: **27**

Số tờ giấy thi: **27**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Đỗ Ngọc Hào	 Hoàng Thiên	 Đỗ Quang Thụy	 Phạm T. Sơn

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120180001	NGUYỄN THÀNH AN	02/01/2002	CCQ2018A		1		6,5	5,5	5,9		
2	2120180002	HỨA THANH BÌNH	19/03/2002	CCQ2018A		1		6,5	6,0	6,2		
3	2120180003	TRẦN ĐỨC CHẤT	26/10/2002	CCQ2018A								
4	2120180005	HỒ TRỌNG DANH	07/10/2002	CCQ2018A		1		7,0	8,0	7,6		
5	2120180006	BÙI NGỌC DUY	28/02/2002	CCQ2018A		1		6,5	7,5	7,1		
6	2120180007	LÂM THÀNH DUY	06/05/2001	CCQ2018A								
7	2120180008	NGUYỄN HỮU ĐẠT	12/10/2002	CCQ2018A		1		6,0	8,0	7,2		
8	2120180009	PHẠM THÀNH ĐẠT	12/08/2002	CCQ2018A		1		6,0	8,5	7,5		
9	2120180010	CAO HẢI ĐĂNG	12/06/2002	CCQ2018A		1		6,0	7,5	6,9		
10	2120180011	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	02/09/2002	CCQ2018A		1		7,5	8,5	8,1		
11	2120180012	NGUYỄN VĂN HẬU	23/08/2001	CCQ2018A		1		6,0	7,5	6,9		
12	2120180014	BÙI TRÍ HIỆP	19/10/2000	CCQ2018A		1		8,0	8,0	8,0		
13	2120180013	NGUYỄN VĂN HIẾU	03/03/1997	CCQ2018A		1		7,0	5,0	5,8		
14	2120180016	NGUYỄN ANH MỸ	17/01/2000	CCQ2018A		1		7,0	9,0	8,2		
15	2120180017	HÀ HOÀI NAM	16/04/2002	CCQ2018A		1		6,5	8,0	7,5		
16	2120180019	TẠ TRUNG NGUYỄN	06/04/2002	CCQ2018A		1		6,5	8,5	7,7		
17	2120180020	NGUYỄN KHẮC NHÂM	28/09/2002	CCQ2018A		1		6,0	8,5	7,5		
18	2120180021	NGUYỄN XUÂN NHÂN	01/06/2002	CCQ2018A		1		7,5	8,0	7,8		
19	2120180022	HỒ TRUNG NHẬT	20/08/2002	CCQ2018A		1		6,5	4,0	5,0		
20	2120180023	VÕ ĐÌNH NIÊN	20/08/2002	CCQ2018A								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001412

Trang : 2/2

Môn học: **Năng lượng tái tạo (228105) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

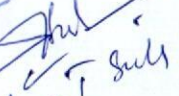
Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A304**

Số SV có mặt: **27**

Số bài thi: **27**

Số tờ giấy thi: **27**

Cán bộ coi thi 1  Đỗ Ngọc Hào	Cán bộ coi thi 2  Hằng T. Hiền	G.Viên chấm thi 1  Đỗ Quang Huy	G.Viên chấm thi 2  Lê Văn Sĩ
--	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120180024	VÕ ĐÌNH PHONG	08/06/2002	CCQ2018A		1		6,5	7,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120180026	NGUYỄN VĂN THẮNG	24/12/2001	CCQ2018A		1		7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120180027	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	09/11/2002	CCQ2018A		1		6,5	7,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120180028	LÊ MINH THOẠI	07/02/2002	CCQ2018A		1		6,5	8,0	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120180029	HỒ TRUNG TÍN	27/08/2000	CCQ2018A		1		7,0	8,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120180030	PHẠM MINH TRÍ	08/03/2002	CCQ2018A		1		7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120180031	LÊ ĐAN TRƯỜNG	20/01/2000	CCQ2018A		1		7,5	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120180032	PHẠM QUỐC TUẤN	28/01/2002	CCQ2018A		1		6,5	9,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120180033	LÊ ĐIỀN VĂN	04/03/2002	CCQ2018A		1		6,5	7,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120180034	PHAN MINH VƯƠNG	12/11/2001	CCQ2018A		1		7,0	7,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9